

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 32/2010/NQ-HĐND

Cao Bằng, ngày 09 tháng 12 năm 2010

NGHỊ QUYẾT

**Về việc Phê chuẩn quyết toán thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn,
quyết toán chi ngân sách địa phương năm 2009**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG
KHOÁ XIV KỲ HỌP THỨ 22**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 73/2003/NĐ-CP ngày 23 ngày 6 năm 2003 của Chính phủ về ban hành Quy chế xem xét, quyết định dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương;

Xét Tờ trình số 2403/TTr-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị phê chuẩn quyết toán thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn, quyết toán chi ngân sách địa phương năm 2009;

Sau khi nghe báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế và Ngân sách, ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nhất trí phê chuẩn quyết toán thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương năm 2009, cụ thể như sau:

1. Thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn	3.670.809.864.370 đồng
a) Thu cân đối ngân sách Nhà nước	1.124.193.160.832 đồng
- Thu từ sản xuất kinh doanh trong nước	305.669.604.851 đồng
- Thu từ thuế xuất nhập khẩu	88.223.646.623 đồng
- Thu viện trợ	23.261.867.960 đồng
- Thu kết dư ngân sách năm trước	3.764.431.624 đồng
- Thu chuyển nguồn	613.500.060.774 đồng

- Thu huy động theo khoản 3 Điều 8 Luật Ngân sách Nhà nước	89.773.549.000 đồng
Trong đó:	
Thu vay đầu tư dự án năng lượng nông thôn II	9.773.549.000 đồng
b) Thu các khoản để lại đơn vị quản lý qua ngân sách	87.689.561.524 đồng
c) Thu trợ cấp cân đối từ ngân sách Trung ương	2.454.142.355.262 đồng
d) Thu cấp dưới nộp trả ngân sách cấp trên	4.784.786.752 đồng
2. Thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn được hưởng theo phân cấp	3.670.809.864.370 đồng
a) Ngân sách Trung ương được hưởng	91.014.157.983 đồng
b) Ngân sách địa phương được hưởng	3.579.795.706.387 đồng
Trong đó:	
Thu vay để đầu tư dự án năng lượng nông thôn II	9.773.549.000 đồng
+ Thu ngân sách trên địa bàn được hưởng theo phân cấp	1.125.653.351.125 đồng
+ Thu trợ cấp cân đối từ ngân sách Trung ương	2.454.142.355.262 đồng
- Ngân sách cấp tỉnh	3.250.598.516.978 đồng
+ Thu ngân sách trên địa bàn được hưởng theo phân cấp	796.456.161.716 đồng
+ Thu trợ cấp cân đối từ ngân sách Trung ương	2.454.142.355.262 đồng
- Ngân sách cấp huyện	1.757.145.002.546 đồng
+ Thu ngân sách trên địa bàn được hưởng theo phân cấp	299.324.312.230 đồng
+ Thu trợ cấp cân đối từ ngân sách cấp tỉnh	1.457.820.690.316 đồng
- Ngân sách cấp xã	225.852.291.550 đồng
+ Thu ngân sách trên địa bàn được hưởng theo phân cấp	29.872.877.179 đồng
+ Thu trợ cấp cân đối từ ngân sách cấp huyện	195.979.414.371 đồng
3. Chi ngân sách địa phương	5.225.809.364.823 đồng
Trong đó:	
- Số chi sau khi giảm trừ trợ cấp cân đối giữa các cấp ngân sách	3.572.009.260.136 đồng
- Chi bổ sung trợ cấp cân đối cho ngân sách cấp dưới	1.457.820.690.316 đồng
a) Chi ngân sách cấp tỉnh	3.246.109.162.585 đồng
- Số chi sau khi giảm trừ trợ cấp cân đối giữa các cấp ngân sách cấp dưới	1.788.288.472.269 đồng
- Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới	1.457.820.690.316 đồng

b) Chi ngân sách cấp huyện	1.755.499.935.989 đồng
- Số chi sau khi giảm trừ trợ cấp cân đối giữa các cấp ngân sách cấp dưới	1.559.520.521.618 đồng
- Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới	195.979.414.371 đồng
c) Chi ngân sách cấp xã	224.200.266.249 đồng
4. Kết dư ngân sách năm 2009	7.786.446.251 đồng
- Ngân sách cấp tỉnh	4.489.354.393 đồng
- Ngân sách cấp huyện	1.645.066.557 đồng
- Ngân sách cấp xã	1.652.025.301 đồng

(Có biểu kết dư chi tiết kèm theo)

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh lập hồ sơ, làm thủ tục quyết toán theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước năm 2002 và báo cáo kết quả thực hiện với Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân giám sát thực hiện Nghị quyết này.

Điều 4. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh qua.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng khoá XIV kỳ họp thứ 22 thông qua./.

CHỦ TỊCH

Hà Ngọc Chiến

TỈNH CAO BẰNG

BIỂU CHI TIẾT

GIẢI TRÌNH KẾT D NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2009

(Kèm Nghị quyết số 32/2010/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị :
Đồng

STT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
A	B	1	2
	TỔNG CỘNG	7,786,446,251	
	- Ngân sách tỉnh	4,489,354,393	
	Trong đó:		
	+ Các nhiệm vụ chi ngân sách Trung ương giao chưa sử dụng hết		
	Kinh phí trợ cấp, trợ giá	611,475,620	
	Kinh phí tổ chức Đại hội dân tộc	380,146,000	
	Kinh phí hỗ trợ đầu hoá	687,500,000	
	Kinh phí thực hiện Nghị định 101, Quyết định 169 trợ cấp khó khăn năm 2009	48,320,000	
	- Ngân sách cấp huyện	1,645,066,557	
	- Ngân sách cấp Xã	1,652,025,301	
I	THỊ XÃ CAO BẰNG	830,663,927	
1	Ngân sách cấp huyện	821,303,845	
	Tăng thu ngân sách 2009	734,642,131	
	Tồn dự toán các đơn vị	86,661,714	
2	Ngân sách xã	9,360,082	
	- Xã Ngọc xuân	80,390	
	Quản lý Nhà nước	65	
	Đoàn thể	40,325	
	Đảm bảo xã hội	40,000	

	- Phòng Sông Bằng	1,887,801	
	Tăng thu	1,881,881	
	Quốc phòng, an ninh	5,920	
	Tồn chi dự phòng		
	- Xã Hoà Chung	7,391,891	
	Quốc phòng, an ninh	876,000	
	Tồn chi dự phòng	5,500,000	
	Quản lý Nhà nước	1,015,891	
II	HUYỆN HOÀ AN	262,743,358	
1	Ngân sách cấp huyện	180,000	
	- Tôn dự toán chi thông xuyên	180,000	
2	Ngân sách cấp xã	262,563,358	
	- Xã Bình Long	3,717,342	
	Chi khác	3,717,342	
	- Xã Trảng Long	24,217,110	
	Tồn dự phòng	11,960,000	
	Chi khác	12,257,110	
	- Xã Trảng Vong	789,256	
	Chi khác	789,256	
	- Xã Hng Đạo	77,090	
	Chi khác	77,090	
	-Xã Vĩnh Quang	20,042,001	
	Tồn dự phòng	8,904,000	
	Hỗ trợ dầu thấp sáng	1,200,000	
	Thuỷ lợi nhỏ	860,000	
	Chi khác	9,078,001	

	- Xã Bạch Đằng	9,466,409	
	Chi khác	9,466,409	
	- Xã Ngũ Lão	63,541,020	
	Tồn dự phòng	12,622,000	
	Kinh phí 84	14,757,000	
	Văn hoá, thể thao xã	3,492,500	
	Chi khác	32,669,520	
	- Xã Bình Dong	23,354,422	
	Chi khác	23,354,422	
	- Xã Dân Chủ	11,041,960	
	Chi khác	11,041,960	
	- Xã Quang Trung	35,619,825	
	Chi khác	35,619,825	
	- Xã Chu Trinh	2,186,111	
	Thu vọt	1,445,300	
	Chi khác	740,811	
	- Xã Đại Tiến	9,635,300	
	Tồn dự phòng	9,180,500	
	Thu vọt	454,800	
	- Xã Nguyễn Huệ	17,092,817	
	Tặng thu	1,048,700	
	Chi khác	16,044,117	
	- Xã Nam Tuấn	2,520,913	
	Chi khác	2,520,913	
	- Xã Hoàng Tung	10,076,910	
	Tồn dự phòng	9,231,000	

	Chi khác	69,010	
	Tồn chi khác	776,900	
	- Xã Lê Chung	60,000	
	Chi khác	60,000	
	- Xã Đức Xuân	29,124,872	
	Tồn dự phòng	9,743,000	
	Chi khác	19,381,872	
III	HUYỆN QUẢNG UYÊN	116,148,279	
1	Ngân sách cấp huyện	113,715,220	
1.1	Kinh phí chi thông xuyên	110,728,120	
	- Nguồn dự phòng cha phân bổ	106,541,300	
	- Nguồn tăng thu ngân sách	2,000,000	
	- Nguồn chi khác	697,000	
	- Tồn chi thường xuyên khác	1,489,820	
1.2	Kinh phí chi chơng trình mục tiêu	2,987,100	
	- Kinh phí nguồn ngân sách tập trung	87,000	
	- Kinh phí nguồn nghị quyết 37	733,000	
	- Chơng trình 135	1,535,000	
	- Kinh phí hỗ trợ thuỷ lợi nhỏ	632,100	
2	Ngân sách cấp xã	2,433,059	
	- Xã Đoài Cờn	2,433,059	
	Nguồn dự phòng cha phân bổ	2,433,059	
IV	HUYỆN PHỤC HOÀ	516,384,529	
1	Ngân sách cấp huyện	20,304,954	
	Kinh phí khác phục bảo lữ	20,304,954	
2	Ngân sách xã		-

		496,079,575	
	- Xã Mỹ Hưng	109,698,703	
	Kinh phí bảo vệ cột mốc	909,850	-
	Kinh phí giáo viên dân lập	2,520,000	-
	Kinh phí toàn dân đoàn kết	23,810,000	-
	Kinh phí hỗ trợ nhà văn hoá	11,000,000	-
	Tồn chi khác	53,868,939	-
	Tồn dự phòng	17,589,914	-
	- Xã Tiên Thành	152,111,434	
	Kinh phí toàn dân đoàn kết	17,000,000	-
	Kinh phí đảm bảo xã hội	1,965,884	-
	Tồn chi khác	69,241,536	-
	Tồn dự phòng	13,904,014	-
	Kinh phí nhà văn hoá	50,000,000	-
	- Xã Triệu Ấu	50,295,585	
	Kinh phí an ninh	768,000	-
	Kinh phí sự nghiệp văn hoá	8,500,000	-
	Giao thông nông thôn	182,000	-
	Kinh phí toàn dân đoàn kết	2,000,000	-
	Tồn chi khác	21,294,311	-
	Tồn dự phòng	17,551,274	-
	- Xã Long Thiện	9,900,730	
	Tồn chi khác	1,752,730	-
	Tồn dự phòng	2,000,000	-
	Kinh phí an ninh	2,000,000	-
	Kinh phí sửa chữa nhà	4,148,000	-
	- Xã Đại Sơn		

CÔNG BÁO/Số 17+18+19/Ngày 16-12-2010

		37,360,905	
	Tồn chi khác	25,741,347	-
	Tồn dự phòng	11,229,264	-
	Giao thông nông thôn	390,294	-
	- Xã Cách Linh	23,875,316	
	Tồn chi khác	8,887,442	-
	Tồn dự phòng	14,825,874	-
	Giao thông nông thôn	162,000	-
	- Thị trấn Hoà Thuận	57,286,843	
	Tồn chi khác	42,386,769	-
	Tồn dự phòng	14,773,874	-
	Giao thông nông thôn	126,200	-
	- Thị trấn Tà Lùng	22,456,448	
	Giao thông nông thôn	1,028,348	
	Kinh phí sự nghiệp văn hoá	4,428,100	
	Nhà văn hoá	10,000,000	
	Kinh phí toàn dân đoàn kết	7,000,000	
	- Xã Hồng Đại	33,093,611	
	Kinh phí sự nghiệp văn hoá	9,314,537	
	Tồn dự phòng	12,536,074	
	Kinh phí toàn dân đoàn kết	1,643,000	
	Kinh phí sự nghiệp thể dục thể thao	9,600,000	
V	HUYỆN TRÙNG KHÁNH	258,143,968	
1	Ngân sách cấp huyện	71,666,508	
	- Tồn dự toán tại kho bạc cha rút	20,100,292	
	- Kinh phí trợ giá dầu hoả năm 2009 còn thừa	33,210,000	

	- Tăng thu cha phân bổ	18,356,216	
2	Ngân sách cấp xã	186,477,460	
	- Thị Trấn	3,520,701	
	Quản lý Nhà nước	2,933,701	
	Kinh phí Đảng	587,000	
	- Xã Lãng Yên	10,807,584	
	Quản lý Nhà nước	3,998,584	
	Kinh phí Đảng	84,900	
	Kinh phí đoàn thể	1,692,100	
	Đảm bảo xã hội	75,000	
	An ninh , quốc phòng	4,957,000	
	- Xã Ngọc Chung	21,898,369	
	Quản lý Nhà nước	6,535,399	
	Kinh phí Đảng	154,175	
	Kinh phí đoàn thể	7,558,795	
	Sự nghiệp văn hoá , thể thao	7,650,000	
	- Xã Phong Nậm	13,732,000	
	Quản lý Nhà nước	3,390,547	
	Kinh phí Đảng	291,098	
	Kinh phí đoàn thể	5,497,755	
	Đảm bảo xã hội	3,144,600	
	An ninh, quốc phòng	1,408,000	
	- Xã Ngọc Khê	4,980,249	
	Quản lý Nhà nước	4,980,249	
	- Xã Đình Phong	164,923	
	Quản lý Nhà nước	164,923	

	Xã Chí Viễn	2,129,060	
	Quản lý Nhà nước	379,060	
	Đảm bảo xã hội	1,750,000	
	- Xã Đàm Thủy	687,629	
	Quản lý Nhà nước	687,629	
	- Xã Lăng Hiếu	7,525,728	
	Quản lý Nhà nước	2,257,566	
	Kinh phí Đảng	2,521,162	
	Sự nghiệp văn hoá , thể thao	1,845,000	
	An ninh , quốc phòng	902,000	Chưa đủ thủ tục thanh toán
	- Xã Khâm Thành	7,867,669	
	Quản lý Nhà nước	2,765,369	
	Kinh phí Đảng	697,200	
	Kinh phí đoàn thể	4,405,100	
	- Xã Đình Minh	6,437,711	
	Quản lý Nhà nước	1,754,139	
	Kinh phí Đảng	4,683,572	
	- Xã Phong Châu	2,215,605	
	Quản lý Nhà nước	1,655,605	
	An ninh , quốc phòng	560,000	Chưa đủ thủ tục thanh toán
	- Xã Cảnh Tiên	16,367,934	
	Quản lý Nhà nước	2,437,998	
	Kinh phí Đảng	290,910	
	Kinh phí đoàn thể	10,830,526	
	Đảm bảo xã hội	2,202,500	

	An ninh , quốc phòng	606,000	Chưa đủ thủ tục thanh toán
	- Xã Trung Phúc	8,949,826	
	Quản lý Nhà nước	6,442,167	
	Kinh phí Đảng	160,885	
	Kinh phí đoàn thể	2,346,774	
	- Xã Đức Hồng	6,424,955	
	Quản lý Nhà nước	4,415,505	
	Kinh phí Đảng	363,450	
	Sự nghiệp văn hoá , thể thao	1,646,000	
	- Xã Cao Thăng	4,849,005	
	Quản lý Nhà nước	1,578,440	
	Kinh phí đoàn thể	3,270,565	
	- Xã Thông Huệ	25,881,808	
	Quản lý Nhà nước	5,402,489	
	Kinh phí đoàn thể	19,730,319	
	Sự nghiệp văn hoá , thể thao	749,000	
	- Xã Đoài Côn	8,173,462	
	Quản lý Nhà nước	8,173,462	
	- Xã Thân Giáp	19,651,546	
	Quản lý Nhà nước	349,920	
	Kinh phí Đảng	154,910	
	Kinh phí đoàn thể	11,354,716	
	Sự nghiệp văn hoá , thể thao	4,111,000	
	Đảm bảo xã hội	1,196,000	
	An ninh , quốc phòng	2,485,000	Chưa đủ thủ tục thanh toán

	- Xã Ngọc Côn	14,211,696	
	Quản lý Nhà nước	7,918,696	
	Sự nghiệp văn hoá , thể thao	55,000	
	Tăng thu ngân sách	6,238,000	
VI	HUYỆN THẠCH AN	102,017,932	
1	Ngân sách cấp huyện	10,768,775	
	- Dự toán phòng nông nghiệp (di rời)	22,838	
	- Dự toán trường nội trú	10,745,937	
2	Ngân sách cấp xã	91,249,157	
	- Xã Thị Ngân	758,500	
	Tăng thu	758,500	
	- Xã Đức Long	86,651,584	
	Tồn chi khác	86,651,584	
	- Xã Lê Lai	3,000	
	Tăng thu	3,000	
	- Xã Thái Cờng	440,500	
	Tăng thu	440,500	
	- Xã Quang Trọng	465	
	Tăng thu	465	
	- Xã Đức Thông	1,838,454	
	Tồn chi khác	1,838,454	
	- Xã Canh Tân	512,954	
	Tăng thu	512,954	
	- Trọng Con	1,043,700	
	Tăng thu	1,043,700	
VII	HUYỆN TRÀ LĨNH		

		165,923,113	
1	Ngân sách cấp huyện	-	
2	Ngân sách cấp xã	165,923,113	
	- Xã Cô Mời	39,364,562	
	Kinh phí Đảng	27,500,000	
	Kinh phí Chi thông xuyên	11,864,562	
	- Xã Quang Hán	73,730	
	Kinh phí Chi thông xuyên	73,730	
	- Xã Cao Chơng	21,567,055	
	Kinh phí Đảng	1,416,602	
	Kinh phí Chi thông xuyên	20,150,453	
	- Xã Quốc Toàn	13,798,241	
	Kinh phí Chi thông xuyên	10,307,147	
	Kinh phí Đảng	3,491,094	
	- Xã Quang Trung	158,034	
	Kinh phí Chi thông xuyên	158,034	
	- Xã Quang Vinh	13,867,579	
	Kinh phí Chi thông xuyên	13,867,579	
	- Xã Xuân Nội	14,763,048	
	Kinh phí Đảng	2,374,000	
	Kinh phí Chi thông xuyên	12,389,048	
	- Xã Tri Phong	23,433,148	
	Kinh phí Chi thông xuyên	23,433,148	
	- Xã Lu Ngọc	1,694,475	
	Kinh phí Chi thông xuyên	1,694,475	
	- Thị trấn Hùng Quốc	37,203,241	
	Kinh phí Đảng		

		4,785,685	
	Kinh phí Chi thông xuyên	32,417,556	
VIII	HUYỆN NGUYỄN BÌNH	243,012,049	
1	Ngân sách cấp huyện	63,640,481	
	- Tiền lao động công ích	9,520,000	
	- Kinh phí khối giáo dục Trung học cơ sở	33,590,700	Tồn dự toán
	- Kinh phí khối đoàn thể	1,613,581	Tồn dự toán
	- Kinh phí phòng công thương	18,916,200	Tồn dự toán
2	Ngân sách cấp xã	179,371,568	
	- Thị trấn Nguyễn Bình	8,049,374	
	Chi thông xuyên	49,374	
	Tồn dự phòng	8,000,000	
	- Thị trấn Tĩnh Túc	252,167	
	Chi thông xuyên	252,167	
	- Xã Thử Dục	29,668	
	Chi thông xuyên	29,668	
	- Xã Minh Thanh	6,778,080	
	Số thu vọt	3,367,000	
	Chi thông xuyên	3,411,080	
	- Xã Minh Tâm	416,946	
	Chi thông xuyên	416,946	
	- Xã Bắc Hợp	500,638	
	Chi thông xuyên	500,638	
	- Xã Tam Kim	18,917,102	
	Chi thông xuyên	18,917,102	
	- Xã Thái Học	210,958	

	Chi thông xuyên	210,958	
	- Xã Triệu Nguyên	37,228,725	
	Chi thông xuyên	37,228,725	
	- Xã Vũ Nông	4,100,738	
	Chi thông xuyên	1,100,738	
	Kinh phí thể thao	3,000,000	
	- Xã Ca Thành	11,145,410	
	Tồn kinhn phí dự phòng	8,000,000	
	Chi thông xuyên	3,145,410	
	- Xã Yên Lạc	4,278,159	
	Chi thông xuyên	3,278,159	
	Kinh phí thể thao	1,000,000	
	- Xã Phan Thanh	969	
	Chi thông xuyên	969	
	- Xã Mai Long	9,003,129	
	Chi thông xuyên	9,003,129	
	- Xã Thành Công	9,122,763	
	Số thu vợt	5,985,650	
	Dự phòng	1,000,000	
	Chi thông xuyên	2,137,113	
	- Xã Hng Đạo	32,247,098	
	Chi thông xuyên	32,247,098	
	- Xã Hoa Thám	31,881,355	
	Chi thông xuyên	23,881,355	
	Dự phòng	8,000,000	
	- Xã Quang Thành	730,489	

	Chi thông xuyên	730,489	
	- Xã Thịnh Vọng	4,477,800	
	Chi thông xuyên	4,477,800	
IX	HUYỆN BẢO LẠC	8,509,150	
1	Ngân sách cấp huyện	8,494,150	
	Tồn chi thông xuyên các phòng ban	8,484,150	
2	Ngân sách cấp xã	15,000	
	- Xã Xuân Trờng	15,000	
	Chi thông xuyên	15,000	
X	HUYỆN BẢO LÂM	514,347,904	
1	Ngân sách cấp huyện	463,454,822	
	- Chi khác ngân sách	134,282,000	
	- Tăng thu cha chi	245,876,282	Thu hồi chi sai phòng giáo dục
	- Tăng thu cha chi	52,120,000	Thu hồi nợ ngân sách sau thanh tra
	- Chi thông xuyên	31,176,540	Không có nhu cầu chi
2	Ngân sách cấp xã chi tiết kết d từng xã	50,893,082	
	- Xã Thái Sơn	5,268,000	
	Vốn bảo trì duy tu giao thông nông thôn	5,268,000	
	- Xã Mông Ân	1,389,745	
	Tăng thu	1,389,745	
	- Xã Thạch Lâm	5,420,319	
	Tăng thu	5,420,319	
	- Xã Nam Cao	2,953	
	Tồn chi thông xuyên	2,953	
	- Xã Vĩnh Phong		

		7,060,178	
	Tồn dự phòng	7,000,000	
	Tăng thu	60,000	
	Tồn chi thông xuyên	178	
	- Xã Yên Thở	8,651,543	
	Tồn chi thông xuyên	651,543	
	Tồn dự phòng	8,000,000	
	- Xã Nam Quang	16,071,629	
	Tồn dự phòng	6,000,000	
	Tăng thu	1,900,000	
	Tồn chi thông xuyên	8,171,629	
	- Xã Tân Việt	7,028,715	
	Tồn dự phòng	5,800,000	
	Tăng thu	1,006,000	
	Tồn chi thông xuyên	222,715	
XI	HUYỆN THÔNG NÔNG	46,354,186	
1	Ngân sách cấp huyện	15,954,721	
	Tồn dự toán kinh phí tại các đơn vị	3,799,721	
	Tồn số thu ngày 31 tháng 12 năm 2009	12,155,000	
2	Ngân sách xã	30,399,465	
	- Xã Cần Yên	85,713	
	Tồn dự toán	85,713	
	- Xã Long Can	270,000	
	Thu vọt	270,000	
	- Xã Ngọc Động	3,110,080	
	Tồn dự toán	3,110,080	

	- Xã Yên Sơn	19,973,206	
	Giao thông nông thôn	19,973,206	
	- Xã Đa Thông	6,630,966	
	Tồn kinh phí dự phòng	6,630,966	
	- Xã Bình Lãng	329,500	
	Thu vớt	329,500	
XII	HUYỆN HÀ QUẢNG	117,044,441	
1	Ngân sách cấp huyện	2,302,683	
	- Sự nghiệp văn hoá thông tin	80,940	
	Tồn chi thường xuyên	80,940	
	- Sự nghiệp giáo dục	280,568	
	+ Chi thường xuyên	568	
	+ Kinh phí theo Quyết định 112	280,000	
	- Trung tâm Bồi dưỡng chính trị	63,000	
	+ Kinh phí cải cách tiền lương	62,768	
	+ Chi thường xuyên	232	
	- Hội Luật gia	267,000	
	+ Kinh phí cải cách tiền lương	267,000	
	- Hội chữ thập đỏ	833,324	
	+ Chi thường xuyên	374,024	
	+ Kinh phí cải cách tiền lương	459,300	
	- Phòng t pháp	61,258	
	+ Kinh phí cải cách tiền lương	61,258	
	- Phòng thanh tra	671	
	+ Chi thường xuyên	671	
	- Dân số Kế hoạch hoá gia đình	344,122	

	+ Kinh phí chơng trình mục tiêu	344,122	
	- Bảo trì duy tu	20,250	
	- Kinh phí chơng trình mục tiêu	20,250	
	- Kinh phí kiểm toán	3,590	
	+ Kinh phí chơng trình mục tiêu	3,590	
	- Phục vụ công cộng	347,960	
	Chi thờng xuyên	347,960	
2	Ngân sách xã	114,741,758	
	- Xã Trờng Hà	94,366	
	Chi thờng xuyên	94,366	
	- Xã Nà Sác	231,307	
	Tăng thu ngân sách	208,500	
	Chi thờng xuyên	22,807	
	- Xã Kéo yên	200,000	
	Tăng thu ngân sách	200,000	
	- Xã Nội Thôn	1,199,637	
	Chi thờng xuyên	567,237	
	Tăng thu ngân sách	632,000	
	Kinh phí bảo vệ cột mốc	400	
	- Xã Cải Viên	14,678	
	Chi thờng xuyên	14,678	
	- Xã Vân An	19,566,687	
	Tăng thu ngân sách	1,087,000	
	Kinh phí bảo vệ cột mốc	18,479,687	
	- Xã Sóc Hà	28	
	Chi thờng xuyên	28	

	Xã Xuân Hoà	89,820,340	
	Chi thông xuyên	89,820,340	
	- Xã Sí Hai	101,300	
	Chi thông xuyên	300	
	Tăng thu ngân sách	101,000	
	- Xã Đào Ngạn	1,315,400	
	Tăng thu ngân sách	1,315,400	
	- Xã Mã Ba	174,000	
	Tăng thu ngân sách	174,000	
	- Xã Quý Quân	51,204	
	Chi thông xuyên	51,204	
	- Xã Thợng Thôn	70,000	
	Tăng thu ngân sách	70,000	
	- Xã Hồng Sĩ	10,734	
	Chi thông xuyên	10,734	
	- Xã Phù Ngọc	299	
	Chi thông xuyên	299	
	- Xã Vân Đình	800,790	
	Chi thông xuyên	770,790	
	Tăng thu ngân sách	30,000	
	- Xã Hạ Thôn	1,090,988	
	Tăng thu ngân sách	1,090,000	
	Chi thông xuyên	988	
XIII	HUYỆN HẠ LANG	115,799,022	
1	Ngân sách cấp huyện	53,280,398	
	Tồn chi thông xuyên		

		53,280,398	
	- Văn phòng Ủy ban nhân dân huyện	15,091,000	
	- Phòng Văn hoá thể thao	34,975	
	- Hoạt động thể thao khác	6,490	
	- Phòng Thanh tra	4,854	
	- Phòng Nông nghiệp Phát triển nông thôn	1,479,175	
	- Phòng Công thông	5,906,000	
	- Sự nghiệp môi trường	4,272,000	
	- Trường Dân tộc nội trú	427	
	- Sự nghiệp y tế	8,759,890	
	- Trung tâm Bồi dưỡng chính trị	956,340	
	- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	10,082	
	- Huyện đoàn	215,975	
	- Hội Phụ nữ	1,526,681	
	- Hội Nông dân	672	
	- Hội Cựu chiến binh	1,683,918	
	- Phòng Công thông	620,000	
	- Sự nghiệp giáo dục	12,711,919	
2	Ngân sách cấp xã	62,518,624	
	- Xã Minh Long	1,648,700	
	Tồn chi thường xuyên	1,648,700	
	- Xã Lý Quốc	13,199,620	
	Tồn chi thường xuyên	13,199,620	
	- Xã Thắng Lợi	17,120,704	
	Tồn chi thường xuyên	17,120,704	
	- Xã Đức Quang	12,776,900	
	Tồn chi thường xuyên		

		12,776,900	
	- Xã Kim Loan	826,700	
	Tồn chi thường xuyên	826,700	
	- Xã Thanh Nhật	4,696,800	
	Tồn chi thường xuyên	4,696,800	
	- Xã Quang Long	100	
	Tồn chi thường xuyên	100	
	- Xã Việt Chu	159,500	
	Tồn chi thường xuyên	159,500	
	- Xã Thái Đức	883,200	
	Tồn chi thường xuyên	883,200	
	- Xã Thị Hoa	2,582,900	
	Tồn chi thường xuyên	2,582,900	
	- Xã Cô Ngân	8,510,600	
	Tồn chi thường xuyên	8,510,600	
	- Xã An Lạc	112,900	
	Tồn chi thường xuyên	112,900	

CHỦ TỊCH

Hà Ngọc Chiến